

112-2 南向 餐一真  
**THỜI KHÓA BIỂU KỲ 112-2 LỚP NHÀ HÀNG CHÂN NĂM 1**

	一	二	三	四	五
第 1 節 0820-0910			生活華語(一) 黃瓊慧 圖304 <b>Hoa ngữ đời sống</b>		職場華語(一) 吳姝嬋 圖301 <b>Hoa ngữ làm việc</b>
第 2 節 0920-1010			生活華語(一) 黃瓊慧 圖304 <b>Hoa ngữ đời sống</b>		職場華語(一) 吳姝嬋 圖301 <b>Hoa ngữ làm việc</b>
第 3 節 1020-1110			餐飲管理(一) 周哲逸 圖302 <b>Quản lý nhà hàng</b>		進階華語(一) 吳姝嬋 圖301 <b>Hoa ngữ nâng cao</b>
第 4 節 1120-1210			餐飲管理(一) 周哲逸 圖302 <b>Quản lý nhà hàng</b>		進階華語(一) 吳姝嬋 圖301 <b>Hoa ngữ nâng cao</b>
第 5 節 1300-1350			中餐烹調 陳安彥 飲302(中式米麵食 教室) <b>Nấu đồ ăn Trung</b>	餐飲衛生 李順進 圖301 <b>Vệ sinh nhà hàng</b>	
第 6 節 1400-1450			中餐烹調 陳安彥 飲302(中式米麵食 教室) <b>Nấu đồ ăn Trung</b>	餐飲衛生 李順進 圖301 <b>Vệ sinh nhà hàng</b>	
第 7 節 1500-1550			中餐烹調 陳安彥 飲302(中式米麵食 教室) <b>Nấu đồ ăn Trung</b>	體育 鄭俊雄 <b>Thể dục</b>	
第 8 節 1600-1650			中餐烹調 陳安彥 飲302(中式米麵食 教室) <b>Nấu đồ ăn Trung</b>	體育 鄭俊雄 <b>Thể dục</b>	
第 9 節 1700-1750					